

Bản án số: 05/2023/HNGĐ -ST

Ngày 17/01/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên
2. Ông Mai Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐSXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2023, giữa các Đ sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1994

3. *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1963

Đều ở địa chỉ: thôn C, xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B và ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Xương vào ngày 15/10/2015. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh B ham chơi, bị Tòa án xử phạt 03 năm tù do quan hệ với trẻ vị thành niên, từ đó chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh B còn đến gây sự với chị. Xác định không trở về đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh B có một con chung tên Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 28/5/2016, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị làm lao động tự do, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: không có, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến làm việc theo giấy báo, cũng không gửi ý kiến về các nội dung khởi kiện của chị H.

Ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ của anh Nguyễn Văn B trình bày: sau khi kết hôn anh B, chị H chung sống cùng với gia đình ông, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ, gia đình đã tìm gọi nhiều lần nhưng chị H cương quyết không về. Năm 2016 anh B bị xử phạt 03 năm tù, trong thời gian này chị H không quan tâm, thăm nom, cuối năm 2019 anh B ra trại nhưng hai bên cũng không liên lạc với nhau. Ông đã thông báo lại nội dung các văn bản của Tòa án gửi cho anh B, do công việc bận mải nên anh không về làm việc theo giấy báo, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện Kiến Xương về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H và ông Đ trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã H, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng năm 2016 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cách sống, anh B không có trách nhiệm với gia đình, từ đó hai bên sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh B biết việc chị H xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị H theo quy định của pháp luật, cho thấy mâu thuẫn đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị được ly hôn anh B.

[5] Về quan hệ con chung: cháu Ng là nữ ở với chị H từ nhỏ, anh B thường xuyên vắng nhà, nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tâm sinh lý và sự phát triển của trẻ, đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản và nợ chung: chị H khai không có, Tòa án không ghi được ý kiến của anh B nên về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 28/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn B góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh B có quyền thăm nom con chung. Chị H và anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí:** chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001739 ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị H đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** các Đ sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ